

	A	B	C	D	E	F	G
1	Trường	THPT Bình An					
2	Học kỳ	1					
3	Năm	2025-2026					
4							
5			Giáo viên	Nguyễn Minh Đồng			
6			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
7			Buổi sáng				
8		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
9	1		12A1.4 - Toán	12A1.4 - Toán			Ôn HSG - Casio
10	2		12A4.1 - Chuyên đề Toán	12A4.1 - Toán			Ôn HSG - Casio
11	3		11A1.2 - Toán	11A1.2 - Toán			
12	4		11A1.2 - Toán	12A1.4 - Chuyên đề Toán	12A4.1 - Toán		
13	5						
14			Buổi chiều				
15		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
16	1				12A4.1 - Toán	Lớp Toán 6 - Tự chọn	
17	2				12A1.4 - Toán	Lớp Toán 6 - Tự chọn	
18	3				11A1.2 - Chuyên đề Toán	Lớp Toán 8 - Tự chọn	
19	4					Lớp Toán 8 - Tự chọn	
20	5						
21							
22			Giáo viên	Vũ Kim Hồng			
23			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
24			Buổi sáng				
25		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
26	1		12A1.5 - Toán				
27	2	10A2.1 - SHCN- HDTN	10A3.1 - Toán				
28	3	10A3.1 - Toán		10A3.1 - Toán			
29	4			10A2.1 - Toán			
30	5			12A1.5 - Toán			
31			Buổi chiều				
32		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
33	1	10A2.1 - Chuyên đề Toán	12A1.5 - Chuyên đề Toán				
34	2	12A1.5 - Toán	Lớp Toán 1 - Tự chọn			10A2.1 - Toán	
35	3	10A3.1 - Chuyên đề Toán	Lớp Toán 1 - Tự chọn			10A2.1 - Toán	
36	4						

	A	B	C	D	E	F	G
37	5						
38							
39			Giáo viên	Lê Doãn Thuận			
40			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
41			Buổi sáng				
42		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
43	1			12A1.1 - Toán			Ôn HSG - Casio
44	2	12A1.1 - SHCN- HĐTN		12A1.1 - Toán		12A3.2 - Toán	Ôn HSG - Casio
45	3	12A1.1 - Chuyên đề Toán				12A3.2 - Toán	
46	4	12A1.1 - Toán		10A1.1 - Toán			
47	5			12A3.2 - Toán			
48			Buổi chiều				
49		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
50	1		12A3.2 - Chuyên đề Toán			10A1.1 - Toán	
51	2		10A1.1 - Chuyên đề Toán			10A1.1 - Toán	
52	3					Lớp Toán 9 - Tự chọn	
53	4					Lớp Toán 9 - Tự chọn	
54	5						
55							
56			Giáo viên	Nguyễn Thị Anh Đào			
57			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
58			Buổi sáng				
59		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
60	1			11A1.1 - Toán	10A1.2 - Chuyên đề Toán		
61	2	10A1.2 - SHCN- HĐTN				10A1.2 - Toán	
62	3	11A3.1 - Chuyên đề Toán		10A1.2 - Toán	11A4.1 - Toán	11A3.1 - Toán	
63	4			11A4.1 - Toán	11A4.1 - Toán	11A3.1 - Toán	
64	5						
65			Buổi chiều				
66		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
67	1				11A3.1 - Toán	10A1.2 - Toán	
68	2				11A1.1 - Toán	11A1.1 - Toán	
69	3					11A1.1 - Chuyên đề Toán	
70	4						
71	5						

	A	B	C	D	E	F	G
72							
73			Giáo viên	Trần Thị Huệ			
74			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
75			Buổi sáng				
76		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
77	1				10A5.1 - Toán		
78	2	10A5.1 - SHCN- HĐTN	12A2.1 - Toán		10A1.4 - Toán		
79	3	10A5.1 - Toán			10A1.4 - Toán		
80	4	12A2.1 - Toán	12A2.1 - Chuyên đề Toán		10A5.1 - Toán		
81	5						
82			Buổi chiều				
83		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
84	1		12A2.1 - Toán			Lớp Toán 7 - Tự chọn	
85	2		10A1.4 - Toán			Lớp Toán 7 - Tự chọn	
86	3		10A1.4 - Chuyên đề Toán			Lớp Toán 10 - Tự chọn	
87	4					Lớp Toán 10 - Tự chọn	
88	5						
89							
90			Giáo viên	Bùi Thị Nữ			
91			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
92			Buổi sáng				
93		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
94	1		12A1.3 - Toán				
95	2	12A1.3 - SHCN- HĐTN		12A1.3 - Chuyên đề Toán			
96	3	12A3.1 - Toán	12A1.3 - Toán				
97	4			12A3.1 - Toán			
98	5			12A3.1 - Toán			
99			Buổi chiều				
100		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
101	1	12A1.3 - Toán				Lớp Toán 5 - Tự chọn	
102	2		Lớp Toán 2 - Tự chọn			Lớp Toán 5 - Tự chọn	
103	3	12A3.1 - Chuyên đề Toán	Lớp Toán 2 - Tự chọn				
104	4						
105	5						
106							
107			Giáo viên	Nguyễn Tiết Hiếu			
108			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		

	A	B	C	D	E	F	G
109			Buổi sáng				
110		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
111	1				10A2.2 - Chuyên đề Toán	10A2.2 - Toán	
112	2	11A1.5 - SHCN- HĐTN		11A5.1 - Toán	11A2.1 - Chuyên đề Toán	10A2.2 - Toán	
113	3	11A5.1 - Toán			11A5.1 - Toán	11A1.5 - Toán	
114	4			11A1.5 - Toán	11A2.1 - Toán	11A1.5 - Toán	
115	5						
116			Buổi chiều				
117		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
118	1	10A2.2 - Toán				11A1.5 - Chuyên đề Toán	
119	2						
120	3	11A2.1 - Toán				11A2.1 - Toán	
121	4						
122	5						
123							
124			Giáo viên	Nguyễn Thị Nga			
125			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
126			Buổi sáng				
127		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
128	1		10A3.2 - Toán	11A1.3 - Toán	10A3.2 - Toán		
129	2		11A1.3 - Toán		10A3.2 - Toán	11A3.2 - Toán	
130	3		11A2.2 - Toán	11A3.2 - Toán		11A2.2 - Toán	
131	4			11A1.3 - Chuyên đề Toán	10A4.1 - Toán	10A3.2 - Chuyên đề Toán	
132	5						
133			Buổi chiều				
134		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
135	1		10A4.1 - Toán		11A1.3 - Toán	10A4.1 - Toán	
136	2				11A3.2 - Toán	11A2.2 - Toán	
137	3				11A2.2 - Chuyên đề Toán	11A3.2 - Chuyên đề Toán	
138	4						
139	5						
140							
141			Giáo viên	Lê Thị Thùy Dung			
142			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
143			Buổi sáng				
144		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7

	A	B	C	D	E	F	G
145	1		12A5.1 - Chuyên đề Toán				
146	2	11A1.6 - SHCN- HDTN	12A5.1 - Toán				
147	3	12A5.1 - Toán	12A1.2 - Toán				
148	4		11A1.6 - Chuyên đề Toán	12A5.1 - Toán			
149	5			12A1.2 - Chuyên đề Toán			
150			Buổi chiều				
151		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
152	1	12A1.2 - Toán	12A1.2 - Toán		11A1.6 - Toán		
153	2		Lớp Toán 3 - Tự chọn		11A1.6 - Toán		
154	3	11A1.6 - Toán	Lớp Toán 3 - Tự chọn				
155	4						
156	5						
157							
158			Giáo viên	Mai Thị Thảo Nguyên			
159			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
160			Buổi sáng				
161		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
162	1			10A1.3 - Chuyên đề Toán	11A3.3 - Toán		
163	2		11A1.4 - Toán		10A1.3 - Toán		
164	3	10A1.3 - Toán	11A1.4 - Toán		10A1.3 - Toán		
165	4	11A1.4 - Toán	11A3.3 - Toán				
166	5						
167			Buổi chiều				
168		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
169	1	11A3.3 - Toán					
170	2	11A1.4 - Chuyên đề Toán					
171	3	11A3.3 - Chuyên đề Toán					
172	4						
173	5						
174							
175			Giáo viên	Nguyễn Thị Lan Anh			
176			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
177			Buổi sáng				
178		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7

	A	B	C	D	E	F	G
179	1		11A1.2 - Vật lí		11A1.2 - Chuyên đề Vật lí		
180	2	12A1.5 - SHCN-HĐTN	11A1.2 - Vật lí		12A1.5 - Vật lí		
181	3	12A1.5 - Vật lí					
182	4		12A1.3 - Vật lí		12A1.3 - Vật lí		
183	5						
184			Buổi chiều				
185		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
186	1				12A1.3 - Chuyên đề Vật lí		
187	2		Lớp Lí 2 - Tự chọn		12A1.5 - Chuyên đề Vật lí		
188	3		Lớp Lí 2 - Tự chọn				
189	4						
190	5						
191							
192			Giáo viên	Trần Đức Khải			
193			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
194			Buổi sáng				
195		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
196	1						Ôn Casio
197	2	10A1.1 - SHCN-HĐTN		12A5.1 - Vật lí			Ôn Casio
198	3	10A2.2 - Chuyên đề Vật lí		10A1.1 - Vật lí		12A1.1 - Vật lí	
199	4	12A5.1 - Vật lí				12A1.1 - Vật lí	
200	5						
201			Buổi chiều				
202		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
203	1	10A1.1 - Vật lí	12A1.1 - Chuyên đề Vật lí			Lớp Lí 4 - Tự chọn	
204	2	10A2.2 - Vật lí	Lớp Lí 1 - Tự chọn			Lớp Lí 4 - Tự chọn	
205	3	10A1.1 - Chuyên đề Vật lí	Lớp Lí 1 - Tự chọn			10A2.2 - Vật lí	
206	4						
207	5						
208							
209			Giáo viên	Vương Hoài Phú			
210			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
211			Buổi sáng				
212		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
213	1				11A2.1 - Vật lí		

	A	B	C	D	E	F	G
214	2	11A2.1 - SHCN-HĐTN				11A1.4 - Vật lí	
215	3				11A2.1 - Chuyên đề Vật lí	11A2.1 - Vật lí	
216	4	12A1.4 - Vật lí		11A1.6 - Vật lí		11A1.6 - Vật lí	
217	5			12A1.4 - Chuyên đề Vật lí			
218			Buổi chiều				
219		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
220	1				12A1.4 - Vật lí	Lớp Lí 3 - Tự chọn	
221	2				11A1.4 - Chuyên đề Vật lí	Lớp Lí 3 - Tự chọn	
222	3				11A1.6 - Chuyên đề Vật lí	11A1.4 - Vật lí	
223	4						
224	5						
225							
226			Giáo viên	Trần Thị Phương Thảo			
227			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
228			Buổi sáng				
229		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
230	1		11A1.3 - Chuyên đề Vật lí	11A1.5 - Chuyên đề Vật lí	11A1.3 - HĐTN	10A1.2 - HĐTN	
231	2		11A1.5 - HĐTN		10A1.2 - Chuyên đề Vật lí	10A1.4 - Vật lí	
232	3		10A1.2 - Vật lí	10A2.1 - Vật lí	11A1.3 - Vật lí	10A2.1 - Vật lí	
233	4		10A1.2 - Vật lí		11A1.3 - Vật lí	10A1.4 - Chuyên đề Vật lí	
234	5						
235			Buổi chiều				
236		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
237	1		10A1.4 - Vật lí				
238	2					11A1.5 - Vật lí	
239	3		10A2.1 - Chuyên đề Vật lí			11A1.5 - Vật lí	
240	4						
241	5						
242							
243			Giáo viên	Lưu Thị Tuyết Trinh			
244			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
245			Buổi sáng				
246		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
247	1					10A1.3 - Vật lí	

	A	B	C	D	E	F	G
248	2	11A1.1 - SHCN-HHTN	11A2.2 - Vật lí		11A1.1 - Vật lí	10A1.3 - Vật lí	
249	3		11A5.1 - Vật lí			10A5.1 - Vật lí	
250	4	11A1.1 - Chuyên đề Vật lí	11A2.2 - Chuyên đề Vật lí		11A5.1 - Vật lí	10A5.1 - Vật lí	
251	5						
252			Buổi chiều				
253		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
254	1	11A2.2 - Vật lí					
255	2	11A1.1 - Vật lí					
256	3	10A1.3 - Chuyên đề Vật lí					
257	4						
258	5						
259							
260			Giáo viên	Nguyễn Long Sơn			
261			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
262			Buổi sáng				
263		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
264	1				12A2.1 - Chuyên đề Vật lí		
265	2				12A1.2 - Chuyên đề Vật lí		
266	3					12A1.2 - Vật lí	
267	4					12A1.2 - Vật lí	
268	5						
269			Buổi chiều				
270		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
271	1	12A2.1 - Vật lí					
272	2	12A2.1 - Vật lí					
273	3					Lớp Lí 5 - Tự chọn	
274	4					Lớp Lí 5 - Tự chọn	
275	5						
276							
277			Giáo viên	Trương Thị Thúy Huỳnh			
278			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
279			Buổi sáng				
280		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
281	1			10A2.1 - Hóa học		11A1.1 - Hóa học	
282	2			11A1.1 - Chuyên đề Hóa học		10A2.1 - Hóa học	

	A	B	C	D	E	F	G
283	3			10A3.2 - Hóa học		10A2.2 - Chuyên đề Hóa học	
284	4					10A2.1 - Chuyên đề Hóa học	
285	5						
286			Buổi chiều				
287		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
288	1	11A2.1 - Chuyên đề Hóa học			11A1.1 - Hóa học	10A2.2 - Hóa học	
289	2	11A2.1 - Hóa học					
290	3	10A2.2 - Hóa học			11A2.1 - Hóa học	10A3.2 - Hóa học	
291	4						
292	5						
293							
294			Giáo viên	Tô Thị Ái Liễu			
295			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
296			Buổi sáng				
297		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
298	1					11A3.1 - Hóa học	
299	2	12A1.4 - SHCN-HĐTN			11A3.1 - HĐTN	12A1.4 - HĐTN	
300	3			11A3.1 - Hóa học	12A1.1 - Hóa học	12A1.4 - Hóa học	
301	4			12A1.1 - Hóa học		12A1.4 - Hóa học	
302	5						
303			Buổi chiều				
304		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
305	1				12A1.1 - Chuyên đề Hóa học	Lớp Hóa 2 - Tự chọn	
306	2					Lớp Hóa 2 - Tự chọn	
307	3				12A1.4 - Chuyên đề Hóa học		
308	4						
309	5						
310							
311			Giáo viên	Nguyễn Thị Nhung			
312			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
313			Buổi sáng				
314		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
315	1				12A1.2 - Chuyên đề Hóa học		
316	2	10A1.3 - SHCN-HĐTN	12A1.3 - Hóa học	10A1.3 - Chuyên đề Hóa học	12A1.3 - Hóa học		

	A	B	C	D	E	F	G
317	3		10A1.3 - HĐTN	12A1.3 - Chuyên đề Hóa học	12A1.2 - Hóa học		
318	4	12A1.2 - Hóa học	10A1.3 - Hóa học		12A1.2 - HĐTN		
319	5						
320			Buổi chiều				
321		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
322	1		10A1.3 - Hóa học				
323	2		Lớp Hóa 1 - Tự chọn				
324	3		Lớp Hóa 1 - Tự chọn				
325	4						
326	5						
327							
328			Giáo viên	Hồ Thị Mộng Thu			
329			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
330			Buổi sáng				
331		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
332	1					12A1.5 - Hóa học	
333	2	10A1.4 - SHCN-HĐTN				12A1.5 - Hóa học	
334	3	10A1.4 - HĐTN				10A1.4 - Chuyên đề Hóa học	
335	4	12A1.5 - Chuyên đề Hóa học				12A2.1 - Chuyên đề Hóa học	
336	5						
337			Buổi chiều				
338		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
339	1	10A1.4 - Hóa học			12A2.1 - Hóa học		
340	2	10A1.4 - Hóa học			12A2.1 - Hóa học		
341	3	12A1.5 - HĐTN				Lớp Hóa 3 - Tự chọn	
342	4					Lớp Hóa 3 - Tự chọn	
343	5						
344							
345			Giáo viên	Đỗ Thị Ninh			
346			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
347			Buổi sáng				
348		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
349	1			10A1.2 - Chuyên đề Hóa học			
350	2	11A1.4 - SHCN-HĐTN			11A1.4 - HĐTN		
351	3	11A1.4 - Chuyên đề Hóa học		11A1.4 - Hóa học	11A1.5 - Chuyên đề Hóa học		
352	4	10A1.2 - Hóa học		11A1.4 - Hóa học	11A1.5 - Hóa học		

	A	B	C	D	E	F	G
353	5						
354			Buổi chiều				
355		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
356	1						
357	2	11A1.5 - Hóa học					
358	3	10A1.2 - Hóa học					
359	4						
360	5						
361							
362			Giáo viên	Nguyễn Thị Thúy Huyền			
363			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
364			Buổi sáng				
365		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
366	1		10A3.1 - Hóa học	11A1.6 - Hóa học		11A1.2 - Hóa học	Ôn Casio
367	2	11A1.2 - SHCN-HĐTN		10A3.1 - HĐTN			Ôn Casio
368	3	10A1.1 - Hóa học	10A1.1 - Chuyên đề Hóa học	11A1.6 - Hóa học		11A1.6 - Chuyên đề Hóa học	
369	4	11A1.2 - Hóa học		10A3.1 - Hóa học		10A1.1 - Hóa học	
370	5						
371			Buổi chiều				
372		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
373	1						
374	2	10A1.1 - HĐTN					
375	3	11A1.2 - Chuyên đề Hóa học					
376	4						
377	5						
378							
379			Giáo viên	Nguyễn Thị Liên			
380			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
381			Buổi sáng				
382		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
383	1			11A3.2 - Hóa học			
384	2	11A1.3 - SHCN-HĐTN		11A3.3 - Hóa học	11A2.2 - Hóa học		
385	3	11A1.3 - Chuyên đề Hóa học			11A3.3 - Hóa học		
386	4				11A3.2 - Hóa học		
387	5						
388			Buổi chiều				
389		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
390	1	12A4.1 - Hóa học				11A2.2 - Hóa học	

	A	B	C	D	E	F	G
391	2	12A4.1 - Hóa học				11A1.3 - Hóa học	
392	3	11A2.2 - Chuyên đề Hóa học				11A1.3 - Hóa học	
393	4						
394	5						
395							
396			Giáo viên	Hoàng Thị Thu Hiền			
397			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
398			Buổi sáng				
399		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
400	1		11A2.1 - Sinh học	11A2.2 - Sinh học		12A4.1 - Sinh học	
401	2	11A2.2 - SHCN-HĐTN	11A2.1 - Sinh học			12A4.1 - Sinh học	
402	3	11A2.2 - Sinh học	11A2.1 - HĐTN	12A1.1 - HĐTN			
403	4	11A2.2 - HĐTN	12A4.1 - HĐTN				
404	5						
405			Buổi chiều				
406		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
407	1						
408	2						
409	3						
410	4						
411	5						
412							
413			Giáo viên	Phạm Quỳnh Anh			
414			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
415			Buổi sáng				
416		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
417	1				11A1.1 - HĐTN	12A3.2 - HĐTN	
418	2	10A2.2 - SHCN-HĐTN		10A2.2 - HĐTN	10A2.2 - Sinh học		
419	3	11A1.2 - HĐTN			10A2.2 - Sinh học	12A3.1 - Sinh học	
420	4			12A3.2 - Sinh học		12A3.1 - Sinh học	
421	5						
422			Buổi chiều				
423		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
424	1				12A3.1 - HĐTN	Lớp Sinh - Tự chọn	
425	2					Lớp Sinh - Tự chọn	
426	3				12A3.2 - Sinh học		
427	4						
428	5						
429							
430			Giáo viên	Hồ Thị Hồng			
431			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		

	A	B	C	D	E	F	G
432			Buổi sáng				
433		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
434	1			10A4.1 - Sinh học	10A2.1 - HĐTN	11A3.2 - HĐTN	Ôn Casio
435	2	11A4.1 - SHCN- HĐTN		10A2.1 - Sinh học	11A4.1 - Sinh học		Ôn Casio
436	3	11A4.1 - Sinh học			11A1.6 - HĐTN	10A4.1 - Sinh học	
437	4			10A3.2 - HĐTN	11A3.3 - HĐTN		
438	5						
439			Buổi chiều				
440		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
441	1	11A4.1 - HĐTN					
442	2	10A4.1 - HĐTN					
443	3	10A2.1 - Sinh học					
444	4						
445	5						
446							
447			Giáo viên	Phan Thị Mỹ Phú			
448			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
449			Buổi sáng				
450		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
451	1		10A2.1 - Công nghệ	10A3.1 - Công nghệ	10A3.1 - Công nghệ		
452	2		11A3.1 - Công nghệ	11A3.2 - Công nghệ	10A2.1 - Công nghệ		
453	3	10A3.2 - Công nghệ	11A4.1 - Công nghệ	10A4.1 - Công nghệ	11A3.2 - Công nghệ		
454	4	10A2.2 - Công nghệ	11A2.1 - Công nghệ	10A4.1 - Công nghệ	10A2.2 - Công nghệ		
455	5						
456			Buổi chiều				
457		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
458	1		10A3.2 - Công nghệ		11A2.1 - Công nghệ		
459	2				11A4.1 - Công nghệ		
460	3				11A3.1 - Công nghệ		
461	4						
462	5						
463							
464			Giáo viên	Nguyễn Thị Châu			
465			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
466			Buổi sáng				
467		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
468	1		12A3.1 - Công nghệ	12A2.1 - Công nghệ			
469	2	11A3.3 - SHCN- HĐTN	12A3.1 - Công nghệ	11A2.2 - Công nghệ	12A2.1 - Công nghệ		

	A	B	C	D	E	F	G
470	3			11A3.3 - Công nghệ	12A3.2 - Công nghệ		
471	4	12A4.1 - Công nghệ			12A3.2 - Công nghệ		
472	5						
473			Buổi chiều				
474		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
475	1				11A2.2 - Công nghệ		
476	2				11A3.3 - Công nghệ		
477	3				12A4.1 - Công nghệ		
478	4						
479	5						
480							
481			Giáo viên	Nguyễn Thị Vân			
482			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
483			Buổi sáng				
484		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
485	1		11A3.3 - Ngữ văn	12A3.2 - Ngữ văn	12A1.5 - GDĐP	11A3.3 - Ngữ văn	Ôn HSG
486	2		12A1.5 - Ngữ văn	12A3.2 - Ngữ văn	11A3.3 - Chuyên đề Ngữ Văn	11A3.3 - Ngữ văn	Ôn HSG
487	3		12A3.2 - Chuyên đề Ngữ Văn	12A3.2 - GDĐP	12A4.1 - GDĐP	12A1.5 - Ngữ văn	
488	4		12A3.2 - Ngữ văn			12A1.5 - Ngữ văn	
489	5			12A1.1 - GDĐP			
490			Buổi chiều				
491		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
492	1						
493	2						
494	3						
495	4						
496	5						
497							
498			Giáo viên	Bùi Thanh Phương			
499			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
500			Buổi sáng				
501		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
502	1			10A1.1 - Ngữ văn	12A1.1 - Ngữ văn	10A2.1 - Ngữ văn	Ôn HSG
503	2	12A3.1 - SHCN-HĐTN		10A1.1 - Ngữ văn	12A1.1 - Ngữ văn	12A1.1 - Ngữ văn	Ôn HSG
504	3	10A2.1 - Ngữ văn			12A3.1 - Chuyên đề Ngữ Văn	10A1.1 - Ngữ văn	
505	4	10A2.1 - Ngữ văn			12A3.1 - Ngữ văn		
506	5						
507			Buổi chiều				

	A	B	C	D	E	F	G
508		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
509	1	12A3.1 - Ngữ văn					
510	2	12A3.1 - Ngữ văn					
511	3						
512	4						
513	5						
514							
515			Giáo viên	Nguyễn Thị Út			
516			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
517			Buổi sáng				
518		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
519	1		12A4.1 - Ngữ văn				
520	2	12A4.1 - SHCN-HĐTN		11A1.3 - Ngữ văn			
521	3	12A1.3 - Ngữ văn	11A1.3 - Ngữ văn	12A4.1 - Ngữ văn			
522	4	12A1.3 - Ngữ văn	11A1.3 - Ngữ văn	12A4.1 - Ngữ văn			
523	5						
524			Buổi chiều				
525		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
526	1					Lớp Văn 2 - Tự chọn	
527	2	12A1.3 - Ngữ văn				Lớp Văn 2 - Tự chọn	
528	3	12A4.1 - Chuyên đề Ngữ Văn				Lớp Văn 3 - Tự chọn	
529	4					Lớp Văn 3 - Tự chọn	
530	5						
531							
532			Giáo viên	Trần Thị Mai			
533			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
534			Buổi sáng				
535		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
536	1		12A1.2 - Ngữ văn	11A3.1 - GDĐP		12A2.1 - Ngữ văn	
537	2		12A1.2 - Ngữ văn			12A2.1 - Ngữ văn	
538	3		10A3.1 - Ngữ văn	12A2.1 - Ngữ văn		10A3.1 - Ngữ văn	
539	4		11A1.4 - GDĐP	12A1.2 - Ngữ văn		10A3.1 - Ngữ văn	
540	5						
541			Buổi chiều				
542		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
543	1		10A1.2 - Ngữ văn				
544	2		10A1.2 - Ngữ văn			10A3.1 - Chuyên đề Ngữ Văn	
545	3					10A1.2 - Ngữ văn	

	A	B	C	D	E	F	G
546	4						
547	5						
548							
549			Giáo viên	Bùi Cẩm Tiên			
550			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
551			Buổi sáng				
552		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
553	1		11A3.2 - Chuyên đề Ngữ Văn	10A1.4 - Ngữ văn			
554	2	11A3.2 - SHCN- HĐTN		10A1.4 - Ngữ văn			
555	3		11A3.2 - Ngữ văn	12A1.2 - GDĐP			
556	4	12A3.1 - GDĐP		12A2.1 - GDĐP			
557	5						
558			Buổi chiều				
559		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
560	1	11A3.2 - Ngữ văn	10A2.2 - Ngữ văn				
561	2	11A3.2 - Ngữ văn	10A2.2 - Ngữ văn			10A2.2 - Ngữ văn	
562	3					10A1.4 - Ngữ văn	
563	4						
564	5						
565							
566			Giáo viên	Lê Ái Ngọc Nhi			
567			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
568			Buổi sáng				
569		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
570	1		11A1.5 - Ngữ văn		12A1.4 - Ngữ văn		
571	2		12A1.4 - GDĐP	11A1.2 - Ngữ văn	12A1.4 - Ngữ văn		
572	3		11A1.5 - Ngữ văn	12A5.1 - GDĐP			
573	4		11A1.5 - Ngữ văn	12A1.3 - GDĐP	12A5.1 - Chuyên đề Ngữ Văn		
574	5						
575			Buổi chiều				
576		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
577	1	11A1.2 - Ngữ văn	12A1.4 - Ngữ văn		12A5.1 - Ngữ văn		
578	2	11A1.2 - Ngữ văn	Lớp Văn 1 - Tự chọn		12A5.1 - Ngữ văn		
579	3	12A5.1 - Ngữ văn	Lớp Văn 1 - Tự chọn				
580	4						
581	5						
582							
583			Giáo viên	Nguyễn Thanh Nga			
584			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		

	A	B	C	D	E	F	G
585			Buổi sáng				
586		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
587	1		10A5.1 - Chuyên đề Ngữ Văn				
588	2	11A5.1 - SHCN- HĐTN	11A5.1 - HĐTN				
589	3	11A1.6 - Ngữ văn	11A1.6 - Ngữ văn	11A5.1 - Ngữ văn			
590	4	11A1.6 - Ngữ văn	10A5.1 - Ngữ văn	11A5.1 - Chuyên đề Ngữ Văn			
591	5						
592			Buổi chiều				
593		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
594	1	11A5.1 - Ngữ văn				10A5.1 - Ngữ văn	
595	2	11A5.1 - Ngữ văn				10A5.1 - Ngữ văn	
596	3	10A5.1 - HĐTN					
597	4						
598	5						
599							
600			Giáo viên	Nguyễn Huỳnh Mỹ Nhung			
601			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
602			Buổi sáng				
603		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
604	1		11A4.1 - Ngữ văn			10A3.2 - Ngữ văn	
605	2		11A4.1 - Ngữ văn	11A2.1 - Ngữ văn		10A3.2 - Ngữ văn	
606	3	11A2.1 - GDĐP	11A1.1 - Ngữ văn	11A1.1 - GDĐP			
607	4	11A4.1 - GDĐP	11A1.1 - Ngữ văn	11A1.1 - Ngữ văn		11A4.1 - Ngữ văn	
608	5						
609			Buổi chiều				
610		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
611	1	10A3.2 - Chuyên đề Ngữ Văn				11A2.1 - Ngữ văn	
612	2	10A3.2 - Ngữ văn				11A2.1 - Ngữ văn	
613	3	11A5.1 - GDĐP				11A4.1 - Chuyên đề Ngữ Văn	
614	4						
615	5						
616							
617			Giáo viên	Bùi Hoàng Hà			
618			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
619			Buổi sáng				
620		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
621	1						

	A	B	C	D	E	F	G
622	2	11A3.1 - SHCN-HĐTN				11A3.1 - Chuyên đề Ngữ Văn	
623	3			11A2.2 - Ngữ văn	11A2.2 - Ngữ văn	10A1.3 - Ngữ văn	
624	4			11A2.2 - Ngữ văn	11A3.1 - Ngữ văn	10A1.3 - Ngữ văn	
625	5						
626			Buổi chiều				
627		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
628	1	11A3.1 - Ngữ văn				11A1.4 - Ngữ văn	
629	2	11A3.1 - Ngữ văn				11A1.4 - Ngữ văn	
630	3	11A1.4 - Ngữ văn				10A1.3 - Ngữ văn	
631	4						
632	5						
633							
634			Giáo viên	Võ Huỳnh Ngọc Vân			
635			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
636			Buổi sáng				
637		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
638	1						
639	2						
640	3		10A4.1 - Ngữ văn				
641	4		10A4.1 - Ngữ văn				
642	5						
643			Buổi chiều				
644		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
645	1						
646	2					10A4.1 - Ngữ văn	
647	3					10A4.1 - Chuyên đề Ngữ Văn	
648	4						
649	5						
650							
651			Giáo viên	Lê Thị Hải Yến			
652			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
653			Buổi sáng				
654		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
655	1		11A3.1 - Lịch sử	11A2.1 - Lịch sử	11A1.6 - Lịch sử		
656	2		11A3.2 - Lịch sử	11A1.6 - Lịch sử	11A1.3 - Lịch sử	12A3.1 - Lịch sử	
657	3			11A1.3 - Lịch sử	11A3.1 - Lịch sử		
658	4			11A3.2 - Lịch sử	12A1.1 - Lịch sử	11A2.1 - Lịch sử	
659	5						
660			Buổi chiều				

	A	B	C	D	E	F	G
661		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
662	1				11A1.5 - Lịch sử		
663	2				11A1.5 - Lịch sử		
664	3						
665	4						
666	5						
667							
668			Giáo viên	Nguyễn Thị Hồng			
669			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
670			Buổi sáng				
671		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
672	1			12A5.1 - Lịch sử			
673	2	12A5.1 - SHCN- HĐTN	10A3.2 - Lịch sử	10A1.2 - Lịch sử	10A5.1 - Lịch sử		
674	3	10A1.2 - Lịch sử	10A5.1 - Lịch sử	10A2.2 - Lịch sử	12A5.1 - Chuyên đề Lịch sử		
675	4	10A5.1 - Chuyên đề Lịch sử	12A1.2 - Lịch sử	10A2.2 - Lịch sử	10A1.3 - Lịch sử		
676	5						
677			Buổi chiều				
678		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
679	1						
680	2	10A1.3 - Lịch sử					
681	3	10A3.2 - Lịch sử					
682	4						
683	5						
684							
685			Giáo viên	Trần Thị Thu Hoài			
686			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
687			Buổi sáng				
688		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
689	1		11A1.4 - Lịch sử	11A5.1 - Lịch sử	11A5.1 - Chuyên đề Lịch sử	11A5.1 - Lịch sử	Ôn HSG
690	2		11A3.3 - Lịch sử	11A1.4 - Lịch sử	11A1.2 - Lịch sử	11A1.1 - Lịch sử	Ôn HSG
691	3		12A4.1 - Chuyên đề Lịch sử	11A4.1 - Lịch sử	11A1.2 - Lịch sử		
692	4		11A4.1 - Chuyên đề Lịch sử		11A2.2 - Lịch sử	11A3.3 - Lịch sử	
693	5			12A4.1 - Lịch sử			
694			Buổi chiều				
695		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
696	1				11A4.1 - Lịch sử	11A1.1 - Lịch sử	

	A	B	C	D	E	F	G
697	2				11A2.2 - Lịch sử		
698	3				12A1.5 - Lịch sử		
699	4						
700	5						
701							
702			Giáo viên	Nguyễn Văn Xuân			
703			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
704			Buổi sáng				
705		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
706	1		10A4.1 - Lịch sử		12A1.3 - Lịch sử		
707	2		10A1.4 - Lịch sử		10A1.1 - Lịch sử		
708	3	10A4.1 - Chuyên đề Lịch sử	12A2.1 - Lịch sử		10A2.1 - Lịch sử		
709	4	12A3.2 - Lịch sử	12A1.4 - Lịch sử		10A2.1 - Lịch sử		
710	5						
711			Buổi chiều				
712		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
713	1	10A4.1 - Lịch sử	10A3.1 - Lịch sử			10A3.1 - Lịch sử	
714	2						
715	3	10A1.4 - Lịch sử	10A1.1 - Lịch sử			Lớp Sử - Tự chọn	
716	4					Lớp Sử - Tự chọn	
717	5						
718							
719			Giáo viên	Trần Công Luận			
720			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
721			Buổi sáng				
722		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
723	1			12A3.1 - Địa lí	11A3.1 - Địa lí		
724	2			12A3.1 - Địa lí		11A5.1 - Địa lí	
725	3		12A1.1 - Địa lí		11A1.1 - Địa lí	11A5.1 - Địa lí	
726	4		12A1.1 - Địa lí	11A3.1 - Địa lí	11A1.1 - Địa lí		
727	5			12A5.1 - Địa lí		12A3.1 - Chuyên đề Địa lí	
728			Buổi chiều				
729		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
730	1				11A5.1 - Chuyên đề Địa lí		
731	2		Lớp Địa - Tự chọn		11A3.1 - Chuyên đề Địa lí		
732	3		Lớp Địa - Tự chọn		12A5.1 - Địa lí		

	A	B	C	D	E	F	G
733	4						
734	5						
735							
736			Giáo viên	Đặng Thị Hiền			
737			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
738			Buổi sáng				
739		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
740	1				11A4.1 - Chuyên đề Địa lí	12A1.3 - Địa lí	Ôn Olympic
741	2				11A3.2 - Địa lí	11A4.1 - Địa lí	Ôn Olympic
742	3	11A3.2 - Chuyên đề Địa lí			12A1.3 - Địa lí	11A3.3 - Địa lí	
743	4	11A3.3 - Địa lí			11A1.6 - Địa lí	11A3.2 - Địa lí	
744	5						
745			Buổi chiều				
746		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
747	1	12A3.2 - Chuyên đề Địa lí			12A3.2 - Địa lí	11A1.6 - Địa lí	
748	2	12A1.2 - Địa lí			12A3.2 - Địa lí		
749	3	12A1.2 - Địa lí			11A4.1 - Địa lí	11A3.3 - Chuyên đề Địa lí	
750	4						
751	5						
752							
753			Giáo viên	Trần Thị Trang			
754			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
755			Buổi sáng				
756		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
757	1			11A1.2 - GDĐP	11A1.4 - Địa lí	11A1.3 - GDĐP	
758	2			11A1.5 - GDĐP	11A1.5 - Địa lí	11A1.2 - Địa lí	
759	3				10A1.1 - Địa lí	10A1.2 - Địa lí	
760	4				11A1.4 - Địa lí		
761	5						
762			Buổi chiều				
763		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
764	1	10A1.3 - Địa lí			11A1.2 - Địa lí	10A1.3 - Địa lí	
765	2	11A1.3 - Địa lí			11A1.3 - Địa lí	10A1.2 - Địa lí	
766	3	12A1.3 - HĐTN			11A1.5 - Địa lí	10A1.1 - Địa lí	
767	4						
768	5						
769							
770			Giáo viên	Đinh Thanh Sơn			

	A	B	C	D	E	F	G
771			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
772			Buổi sáng				
773		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
774	1			12A4.1 - Địa lí	11A2.2 - GDĐP	10A4.1 - Địa lí	
775	2			10A5.1 - Địa lí		10A4.1 - Địa lí	
776	3	12A1.4 - Địa lí		10A5.1 - Địa lí	10A4.1 - Chuyên đề Địa lí		
777	4	10A3.2 - Chuyên đề Địa lí				12A4.1 - Địa lí	
778	5						
779			Buổi chiều				
780		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
781	1	12A1.5 - Địa lí			12A1.5 - Địa lí	10A3.2 - Địa lí	
782	2	11A3.3 - GDĐP				10A3.2 - Địa lí	
783	3	12A1.4 - Địa lí			11A3.2 - GDĐP	10A5.1 - Chuyên đề Địa lí	
784	4						
785	5						
786							
787			Giáo viên	Nguyễn Mạnh Hùng			
788			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
789			Buổi sáng				
790		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
791	1						
792	2						
793	3						
794	4						
795	5						
796			Buổi chiều				
797		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
798	1	10A3.1 - Địa lí				10A1.4 - Địa lí	
799	2	10A3.1 - Địa lí				10A1.4 - Địa lí	
800	3					10A3.1 - Chuyên đề Địa lí	
801	4						
802	5						
803							
804			Giáo viên	Phạm Thị Hằng			
805			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
806			Buổi sáng				
807		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
808	1		12A3.2 - GDKT&PL	11A4.1 - GDKT&PL		12A3.1 - GDKT&PL	Ôn HSG
809	2	12A3.2 - SHCN-HĐTN		11A4.1 - GDKT&PL			Ôn HSG

	A	B	C	D	E	F	G
810	3		12A3.1 - GDKT&PL	10A1.3 - GDĐP		12A2.1 - HĐTN	
811	4	11A5.1 - GDKT&PL	11A5.1 - GDKT&PL	10A1.2 - GDĐP		12A3.2 - GDKT&PL	
812	5						
813			Buổi chiều				
814		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
815	1		10A2.1 - GDĐP				
816	2						
817	3		10A2.2 - GDĐP				
818	4						
819	5						
820							
821			Giáo viên	Đoàn Thị Thanh Trúc			
822			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
823			Buổi sáng				
824		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
825	1		12A2.1 - GDKT&PL		10A1.4 - GDĐP	10A5.1 - GDKT&PL	Ôn HSG
826	2	10A4.1 - SHCN- HĐTN	10A4.1 - GDKT&PL		10A3.1 - GDĐP	10A5.1 - GDKT&PL	Ôn HSG
827	3		12A5.1 - GDKT&PL				
828	4	10A4.1 - GDĐP	10A3.2 - GDĐP			10A4.1 - GDKT&PL	
829	5						
830			Buổi chiều				
831		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
832	1	10A5.1 - GDĐP					
833	2	12A5.1 - GDKT&PL					
834	3	12A2.1 - GDKT&PL					
835	4						
836	5						
837							
838			Giáo viên	Nguyễn Thị Khuyên			
839			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
840			Buổi sáng				
841		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
842	1			12A1.2 - Tiếng Anh		10A1.1 - Tiếng Anh	Ôn HSG
843	2	12A1.2 - SHCN- HĐTN		12A1.2 - Tiếng Anh		10A1.1 - Tiếng Anh	Ôn HSG
844	3	12A1.2 - Tiếng Anh		12A3.1 - Tiếng Anh			
845	4	10A1.1 - Tiếng Anh					
846	5						
847			Buổi chiều				
848		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
849	1						

	A	B	C	D	E	F	G
850	2				12A3.1 - Tiếng Anh		
851	3				12A3.1 - Tiếng Anh	Lớp Anh 6 - Tự chọn	
852	4					Lớp Anh 6 - Tự chọn	
853	5						
854							
855			Giáo viên	Triệu Thị Thu Trang			
856			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
857			Buổi sáng				
858		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
859	1						
860	2	12A2.1 - SHCN- HĐTN	11A1.1 - Tiếng Anh				
861	3	12A2.1 - Tiếng Anh	12A1.5 - Tiếng Anh	12A1.5 - Tiếng Anh			
862	4	11A2.1 - Tiếng Anh	12A1.5 - Tiếng Anh	11A2.1 - Tiếng Anh			
863	5			12A2.1 - Tiếng Anh			
864			Buổi chiều				
865		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
866	1	11A1.1 - Tiếng Anh					
867	2		Lớp Anh 1 - Tự chọn		11A2.1 - Tiếng Anh		
868	3	11A1.1 - Tiếng Anh	Lớp Anh 1 - Tự chọn		12A2.1 - Tiếng Anh		
869	4						
870	5						
871							
872			Giáo viên	Trần Thị Như Nguyệt			
873			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
874			Buổi sáng				
875		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
876	1		12A1.1 - Tiếng Anh			10A3.1 - Tiếng Anh	
877	2	10A3.1 - SHCN- HĐTN	12A1.1 - Tiếng Anh				
878	3	12A4.1 - Tiếng Anh				12A4.1 - Tiếng Anh	
879	4	10A3.1 - Tiếng Anh	10A3.1 - Tiếng Anh			10A1.2 - Tiếng Anh	
880	5						
881			Buổi chiều				
882		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
883	1	10A1.2 - Tiếng Anh	12A4.1 - Tiếng Anh				
884	2	10A1.2 - Tiếng Anh					
885	3	12A1.1 - Tiếng Anh				Lớp Anh 5 - Tự chọn	
886	4					Lớp Anh 5 - Tự chọn	
887	5						

	A	B	C	D	E	F	G
888							
889			Giáo viên	Trương Thị Thúy			
890			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
891			Buổi sáng				
892		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
893	1		10A2.2 - Tiếng Anh		10A4.1 - Tiếng Anh	10A1.4 - Tiếng Anh	
894	2		10A2.2 - Tiếng Anh	10A4.1 - Tiếng Anh	10A4.1 - Tiếng Anh	11A1.3 - Tiếng Anh	
895	3			10A1.4 - Tiếng Anh	10A5.1 - Tiếng Anh		
896	4			10A5.1 - Tiếng Anh	10A1.4 - Tiếng Anh	10A2.2 - Tiếng Anh	
897	5						
898			Buổi chiều				
899		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
900	1		10A5.1 - Tiếng Anh			11A1.3 - Tiếng Anh	
901	2				11A1.2 - Tiếng Anh	11A1.2 - Tiếng Anh	
902	3				11A1.3 - Tiếng Anh	11A1.2 - Tiếng Anh	
903	4						
904	5						
905							
906			Giáo viên	Phạm Thị Kim Tiên			
907			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
908			Buổi sáng				
909		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
910	1		11A1.6 - Tiếng Anh	12A1.3 - Tiếng Anh		11A4.1 - Tiếng Anh	
911	2		11A1.6 - Tiếng Anh	11A3.1 - Tiếng Anh		12A1.3 - Tiếng Anh	
912	3					12A5.1 - Tiếng Anh	
913	4	11A3.1 - Tiếng Anh	12A5.1 - Tiếng Anh			12A5.1 - Tiếng Anh	
914	5						
915			Buổi chiều				
916		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
917	1	11A1.6 - Tiếng Anh	12A1.3 - Tiếng Anh			Lớp Anh 4 - Tự chọn	
918	2	11A4.1 - Tiếng Anh	Lớp Anh 2 - Tự chọn			Lớp Anh 4 - Tự chọn	
919	3	11A4.1 - Tiếng Anh	Lớp Anh 2 - Tự chọn			11A3.1 - Tiếng Anh	
920	4						
921	5						
922							
923			Giáo viên	Nguyễn Kim Khánh			
924			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
925			Buổi sáng				
926		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
927	1		11A5.1 - Tiếng Anh		10A1.3 - Tiếng Anh	11A1.4 - Tiếng Anh	

	A	B	C	D	E	F	G
928	2		10A2.1 - Tiếng Anh				
929	3	11A1.5 - Tiếng Anh	10A3.2 - Tiếng Anh		11A1.4 - Tiếng Anh	10A3.2 - Tiếng Anh	
930	4	10A1.3 - Tiếng Anh			10A3.2 - Tiếng Anh		
931	5						
932			Buổi chiều				
933		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
934	1	11A1.5 - Tiếng Anh			11A1.4 - Tiếng Anh	10A2.1 - Tiếng Anh	
935	2	10A2.1 - Tiếng Anh			11A5.1 - Tiếng Anh	10A1.3 - Tiếng Anh	
936	3	11A1.5 - Tiếng Anh			11A5.1 - Tiếng Anh		
937	4						
938	5						
939							
940			Giáo viên	Trần Thị Phuong			
941			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
942			Buổi sáng				
943		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
944	1		11A2.2 - Tiếng Anh	11A3.3 - Tiếng Anh		12A1.4 - Tiếng Anh	Ôn HSG - HBTA
945	2		12A3.2 - Tiếng Anh				Ôn HSG - HBTA
946	3	11A3.3 - Tiếng Anh	12A1.4 - Tiếng Anh	12A1.4 - Tiếng Anh		11A3.2 - Tiếng Anh	
947	4	11A3.2 - Tiếng Anh	11A3.2 - Tiếng Anh	11A3.3 - Tiếng Anh		11A2.2 - Tiếng Anh	
948	5						
949			Buổi chiều				
950		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
951	1					Lớp Anh 3 - Tự chọn	
952	2	12A3.2 - Tiếng Anh				Lớp Anh 3 - Tự chọn	
953	3	12A3.2 - Tiếng Anh				11A2.2 - Tiếng Anh	
954	4						
955	5						
956							
957			Giáo viên	Trịnh Hữu Phương			
958			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
959			Buổi sáng				
960		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
961	1		11A1.1 - Tin học	12A1.5 - Tin học		12A5.1 - Tin học	
962	2			12A1.5 - Tin học		12A5.1 - Tin học	
963	3	11A1.1 - Tin học	11A3.1 - Tin học			12A1.3 - Tin học	
964	4	11A1.3 - Tin học	11A3.1 - Tin học	11A1.2 - Tin học		11A5.1 - Tin học	
965	5			12A1.3 - Tin học			

	A	B	C	D	E	F	G
966			Buổi chiều				
967		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
968	1	12A1.4 - Tin học				11A1.2 - Tin học	
969	2	12A1.4 - Tin học					
970	3	11A1.3 - Tin học				11A5.1 - Tin học	
971	4						
972	5						
973							
974			Giáo viên	Nguyễn Minh Cảnh			
975			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
976			Buổi sáng				
977		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
978	1		10A1.4 - Tin học	10A5.1 - Tin học	11A3.2 - Tin học		
979	2		10A5.1 - Tin học		11A1.6 - Tin học		
980	3		11A3.3 - Tin học	11A1.5 - Tin học	10A1.2 - Tin học		
981	4	11A1.5 - Tin học	10A1.1 - Tin học	10A1.4 - Tin học	10A1.2 - Tin học		
982	5						
983			Buổi chiều				
984		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
985	1	11A1.4 - Tin học	10A1.1 - Tin học		11A3.3 - Tin học		
986	2	11A1.6 - Tin học	10A1.3 - Tin học				
987	3	11A3.2 - Tin học	10A1.3 - Tin học		11A1.4 - Tin học		
988	4						
989	5						
990							
991			Giáo viên	Nguyễn Thị Thanh Phượng			
992			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
993			Buổi sáng				
994		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
995	1			10A3.2 - Tin học		12A1.2 - Tin học	
996	2			10A3.2 - Tin học		12A1.2 - Tin học	
997	3				10A3.1 - Tin học		
998	4				10A3.1 - Tin học		
999	5						
1000			Buổi chiều				
1001		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1002	1	12A1.1 - Tin học					
1003	2	12A1.1 - Tin học					
1004	3						

	A	B	C	D	E	F	G
1005	4						
1006	5						
1007							
1008			Giáo viên	Nguyễn Đức Minh			
1009			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
1010			Buổi sáng				
1011		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1012	1		10A1.1 - GDTC		12A3.2 - GDTC	11A1.6 - GDTC	Ôn HSG
1013	2		10A1.1 - GDTC		12A3.2 - GDTC	11A1.6 - GDTC	Ôn HSG
1014	3		10A2.2 - GDTC			11A1.1 - GDTC	
1015	4		10A2.2 - GDTC			11A1.1 - GDTC	
1016	5						
1017			Buổi chiều				
1018		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1019	1					11A3.3 - GDTC	
1020	2		10A5.1 - GDTC		12A1.3 - GDTC	11A3.3 - GDTC	
1021	3		10A5.1 - GDTC		12A1.3 - GDTC		
1022	4						
1023	5						
1024							
1025			Giáo viên	Lê Văn Trường			
1026			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
1027			Buổi sáng				
1028		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1029	1		10A1.2 - GDTC		12A4.1 - GDTC	11A2.1 - GDTC	
1030	2		10A1.2 - GDTC		12A4.1 - GDTC	11A2.1 - GDTC	
1031	3		10A2.1 - GDTC		12A1.4 - GDTC	11A1.2 - GDTC	
1032	4		10A2.1 - GDTC		12A1.4 - GDTC	11A1.2 - GDTC	
1033	5						
1034			Buổi chiều				
1035		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1036	1					11A4.1 - GDTC	
1037	2		10A3.1 - GDTC		12A1.2 - GDTC	11A4.1 - GDTC	
1038	3		10A3.1 - GDTC		12A1.2 - GDTC		
1039	4						
1040	5						
1041							
1042			Giáo viên	Nguyễn Kim Anh Khang			
1043			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
1044			Buổi sáng				
1045		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7

	A	B	C	D	E	F	G
1046	1				12A5.1 - GDTC	11A2.2 - GDTC	Ôn HSG
1047	2	10A3.2 - SHCN- HĐTN			12A5.1 - GDTC	11A2.2 - GDTC	Ôn HSG
1048	3		10A1.4 - GDTC		12A1.5 - GDTC	11A1.3 - GDTC	
1049	4		10A1.4 - GDTC		12A1.5 - GDTC	11A1.3 - GDTC	
1050	5						
1051			Buổi chiều				
1052		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1053	1					11A5.1 - GDTC	
1054	2		10A3.2 - GDTC			11A5.1 - GDTC	
1055	3		10A3.2 - GDTC				
1056	4						
1057	5						
1058							
1059			Giáo viên	Hà Viết Hùng			
1060			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
1061			Buổi sáng				
1062		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1063	1		10A1.3 - GDTC			11A1.5 - GDTC	Ôn HSG
1064	2		10A1.3 - GDTC			11A1.5 - GDTC	Ôn HSG
1065	3				12A2.1 - GDTC	11A1.4 - GDTC	
1066	4				12A2.1 - GDTC	11A1.4 - GDTC	
1067	5						
1068			Buổi chiều				
1069		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1070	1		12A5.1 - HĐTN			11A3.1 - GDTC	
1071	2		10A4.1 - GDTC		12A1.1 - GDTC	11A3.1 - GDTC	
1072	3		10A4.1 - GDTC		12A1.1 - GDTC		
1073	4						
1074	5						
1075							
1076			Giáo viên	Võ Phúc Hậu			
1077			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
1078			Buổi sáng				
1079		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1080	1				12A3.1 - GDTC		Ôn HSG
1081	2				12A3.1 - GDTC		Ôn HSG
1082	3						
1083	4						
1084	5						

	A	B	C	D	E	F	G
1085			Buổi chiều				
1086		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1087	1					11A3.2 - GDTC	
1088	2					11A3.2 - GDTC	
1089	3						
1090	4						
1091	5						
1092							
1093			Giáo viên	Dương Văn Anh			
1094			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
1095			Buổi sáng				
1096		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1097	1			10A2.2 - QP&AN	10A1.1 - GDĐP		Ôn HSG
1098	2			12A2.1 - QP&AN			Ôn HSG
1099	3	12A3.2 - QP&AN		11A2.1 - QP&AN			
1100	4	10A1.4 - QP&AN		10A1.3 - QP&AN	10A1.1 - QP&AN		
1101	5						
1102			Buổi chiều				
1103		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1104	1	12A5.1 - QP&AN	12A3.1 - QP&AN		11A3.2 - QP&AN		
1105	2	11A2.2 - QP&AN	10A2.1 - QP&AN		12A4.1 - QP&AN		
1106	3	11A3.1 - QP&AN	10A1.2 - QP&AN		11A3.3 - QP&AN		
1107	4						
1108	5						
1109							
1110			Giáo viên	Nguyễn Văn Tiến			
1111			Có tác dụng từ ngày		30/03/2026		
1112			Buổi sáng				
1113		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1114	1			11A1.4 - QP&AN	11A1.5 - QP&AN	12A1.1 - QP&AN	Ôn HSG
1115	2			12A1.4 - QP&AN	11A5.1 - QP&AN	10A3.1 - QP&AN	Ôn HSG
1116	3				10A3.2 - QP&AN	11A4.1 - QP&AN	
1117	4			12A1.5 - QP&AN	11A1.2 - QP&AN	12A1.3 - QP&AN	
1118	5						
1119			Buổi chiều				
1120		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1121	1	11A1.3 - QP&AN			12A1.2 - QP&AN		
1122	2	10A5.1 - QP&AN				11A1.6 - GDĐP	
1123	3	10A4.1 - QP&AN			11A1.1 - QP&AN	11A1.6 - QP&AN	

	A	B	C	D	E	F	G
1124	4						
1125	5						